

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 10 -2019.
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hồng Hà

2. Bà Nguyễn Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Công Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án thụ lý 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23-9-2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

ĐKKH: Thôn An Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở: Thôn Tân Hưng, xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1969.

ĐKKH và nơi cư trú: Thôn An Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có mặt, anh B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết

hôn tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Bình vào năm 1992. Cuộc sống không được hạnh phúc sau đó vợ chồng ly hôn. Vì thương con chị cho anh cơ hội, nên đã đăng ký kết hôn lại vào ngày 18-12-2011 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau to tiếng. Chị nhận thấy sống với anh B không có hạnh phúc nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng suốt nhiều năm. Nay chị thấy mệt mỏi không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với anh B được nữa. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở xã Tân Việt, huyện Bình Giang sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh B không còn quan tâm đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Nguyễn Văn Mỹ, sinh ngày 01-3-1993; Nguyễn Thị Linh, sinh ngày 20-4-1998; Nguyễn Thị Bảo Châm, sinh ngày 12-7-2011 và Nguyễn Bảo Chi, sinh ngày 10-12-2012. Cháu Mỹ đã chết tai nạn; cháu Linh thành niên chị không yêu cầu giải quyết; còn cháu Châm và Chi nhỏ đang ở với bố. Hai cháu có nguyện vọng xin ở với bố; hiện nay chị đang đi làm thuê tự do công nhật, thu nhập và chỗ ở không ổn định nên chị đồng ý để anh B tiếp tục nuôi 2 con. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-8-2019, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn lần 2 tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng vào năm 2011. Quá trình chung sống, chị H chứng nào tật ấy, có quan hệ với người đàn ông khác; bỏ chồng bỏ con, tự ý ra ngoài thuê nhà ở. Anh đã tha thứ cho 1-2 lần; lần này anh không thể tha thứ được, chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 04 con chung và tình trạng như chị H khai. Hiện nay anh đang nuôi cháu Châm và Chi. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi 2 con sau ly hôn và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh B có nhà cửa ổn định, làm nghề phụ xe tải, công việc đều, thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng. Ngoài ra anh còn làm thêm một số công việc khác. Nguồn thu đảm bảo nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28-8-2019, bà Đào Thị Yến(mẹ anh B) trình bày: Cuộc sống vợ chồng của anh B không hòa thuận; chị H quen thói lăng nhăng đã bỏ nhà đi rồi lại về, lần này bỏ cả các con đi luôn. Đề nghị Tòa giải quyết theo nguyện vọng của anh B.

Tại biên bản xác minh ngày 28-8-2019, Chính quyền địa phương, UBND xã Cẩm Đông xác nhận: Anh B chị H kết hôn lại lần 2 vào năm 2011 nhưng tình cảm

vợ chồng không hạnh phúc, một vài lần chị H bỏ đi khỏi nhà. Nay chị H không còn ở cùng anh B nữa, chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-9-2019, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B có ý kiến từ chối, xin vắng mặt tại phiên họp và hòa giải, anh giữ nguyên quan điểm như trong biên bản ghi lời khai.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh B có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, HĐXX, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Thị Bảo Châm, sinh ngày 12-7-2011 và Nguyễn Bảo Chi, sinh ngày 10-12-2012 cho anh B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn B, đồng thời giải quyết về

con chung của vợ chồng khi ly hôn vì chị và anh B không thể thỏa thuận được với nhau; đây là những tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thể hiện bị đơn là anh Nguyễn Văn B, cư trú tại thôn An Lại, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 18-12-2011, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H, anh B chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, luôn nghi ngờ về sự không chung thủy dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Khi có bất đồng quan điểm anh chị không cùng nhau tháo gỡ mà sống ly thân, bỏ mặc mâu thuẫn khiến cả hai lạnh nhạt, thờ ơ, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh B không có mặt tại phiên tòa nhưng ý kiến của anh B tại biên bản lấy lời khai và ý kiến của chị H tại phiên tòa đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau, thống nhất ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc chị H, anh B thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quan hệ con chung: Chị H, anh B có bốn con chung là Nguyễn Văn Mỹ, sinh ngày 01-3-1993; Nguyễn Thị Linh, sinh ngày 20-4-1998; Nguyễn Thị Bảo Châm, sinh ngày 12-7-2011 và Nguyễn Bảo Chi, sinh ngày 10-12-2012. Đối với cháu Mỹ chết tai nạn và cháu Linh thành niên Tòa án không phải giải quyết; còn cháu Châm và Chi, từ lúc bố mẹ ly thân đều ở với anh B. Anh chị tôn trọng nguyện vọng của các con nên thống nhất sau ly hôn, anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Châm và Chi đến khi các con thành niên hoặc khi anh, chị có thỏa thuận khác; anh B tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi

con. Hiện tại anh B có nơi ở ổn định, có công việc và có nguồn thu nhập đều đảm bảo nuôi các con; việc chị H anh B thống nhất được về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất về quan hệ con chung của anh chị. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh B đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không phải giải quyết;

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ tình cảm: Xứ công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B.

Về quan hệ con chung: Công nhận sự thống nhất giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B, sau ly hôn anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Bảo Châm, sinh ngày 12-7-2011 và Nguyễn Bảo Chi, sinh ngày 10-12-2012 đến khi các con chung thành niên hoặc khi chị H, anh B có yêu cầu khác;

Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh B.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007548 ngày 08-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Đường sự;
- UBND xã Cẩm Đông, Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy